

Finishes by event for the field of PGA Championship																																				
Players	Sts	PGA Championship																				# of Events	Cuts Made	Top-10s	FedEx Cup Rank											
		Safeway Open	CJMB Classic	CJ CUP @ NINE BRIDGES	Sanderson Farms	WGC-HSBC Champions	Shriners Hospitals for Children Open	Mayakoba Golf Classic	The RSM Classic	Sentry ToC	Sony Open in Hawaii	Desert Classic	Farmers Insurance Open	Waste Management Phoenix Open	AT&T Pebble Beach Pro-Am	Genesis Open	Puerto Rico Open	WGC-Mexico Championship	The Honda Classic	Arnold Palmer Invitational	THE PLAYERS Championship					Valspar Championship	Corales Puntacana Resort & Club Champ	WGC-Dell Technologies Match Play	Valero Texas Open	Masters Tournament	RBC Heritage	Zurich Classic of New Orleans	Wells Fargo Championship	AT&T Byron Nelson		
An, Byeong Hun	In	-	T13	T41	-	T41	-	-	-	-	-	-	T20	-	-	-	T45	T36	T10	T26	-	-	T40	T7	-	CUT	-	W/D	-	12	10	2	88			
Ancer, Abraham	In	-	T5	T73	-	-	T4	T21	-	-	T29	T18	CUT	CUT	-	T44	-	T39	-	CUT	T12	-	-	T17	T42	-	CUT	CUT	-	T59	17	12	2	58		
Aphibarnrat, Kiradech	In	-	T33	-	-	-	T4	-	-	-	-	-	CUT	T33	-	CUT	T3	CUT	T23	CUT	-	-	T40	-	T49	-	-	-	T5	12	8	3	61			
Armour, Ryan	In	-	T33	T29	T54	-	-	T21	T15	-	T22	CUT	-	CUT	CUT	CUT	-	-	T12	CUT	CUT	T6	-	-	T57	-	T63	-	CUT	-	17	10	1	91		
Berger, Daniel	In	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T12	CUT	CUT	-	-	T2	-	T36	CUT	T67	-	-	CUT	-	T33	-	T54	T23	11	7	1	119		
Bertsch, Justin	In	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	CUT	-	-	-	-	-	-	-	1	0	0	---		
Bjerregaard, Lucas	In	-	-	-	-	T69	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	69	T12	-	T30	-	-	4	CUT	T21	-	-	-	CUT	8	6	1	---			
Björk, Alexander	In	-	-	-	-	T28	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T39	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	2	0	---		
Bradley, Keegan	In	-	T19	-	-	6	-	-	-	T27	T29	-	T35	T67	-	T51	-	T10	-	T46	T16	CUT	-	T40	-	T43	-	36	CUT	-	15	13	2	71		
Burgoon, Bronson	In	T53	T2	-	-	-	CUT	-	CUT	-	-	CUT	CUT	CUT	-	CUT	-	-	T59	CUT	CUT	-	-	-	-	-	-	-	-	11	3	1	125			
Burns, Sam	In	CUT	-	-	T3	-	CUT	CUT	T37	-	CUT	T18	T40	CUT	-	CUT	-	-	T73	T54	-	T30	T12	-	T23	-	9	CUT	W/D	T72	19	11	2	86		
Cabrera Bello, Rafa	In	-	T50	T3	-	T14	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T22	T25	-	T19	-	-	-	T24	-	T36	T16	-	-	13	12	2	42	
Campillo, Jorge	In	-	-	-	-	T54	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	0	---		
Cantlay, Patrick	In	T17	-	-	-	T7	2	-	-	-	-	T9	CUT	-	-	T15	-	T6	-	-	CUT	-	-	T24	-	T9	T3	CUT	-	-	12	9	6	16		
Casey, Paul	In	-	T13	T18	-	T16	-	-	-	T16	CUT	-	-	-	-	2	T25	-	T3	-	-	CUT	1	-	T9	-	CUT	-	T4	-	13	10	5	4		
Champ, Cameron	In	T25	-	-	1	-	T28	T10	6	T11	T73	-	CUT	T67	T28	CUT	-	-	-	CUT	W/D	-	-	-	-	-	CUT	CUT	CUT	-	16	9	3	41		
Connors, Corey	In	CUT	-	-	2	-	CUT	CUT	T23	-	T3	CUT	-	-	CUT	-	CUT	-	-	CUT	T41	-	CUT	1	T46	CUT	T30	-	-	16	7	3	22			
Dahmen, Joel	In	T46	26	T29	-	-	T69	T41	T37	-	T22	-	T9	CUT	-	CUT	-	-	CUT	CUT	T12	T30	T12	-	T69	-	T16	T18	2	-	19	15	2	32		
Day, Jason	In	-	-	T5	-	T11	-	-	-	13	-	-	T5	-	-	T4	-	-	-	-	W/D	T8	CUT	-	T61	-	T5	-	CUT	T24	-	12	9	5	34	
Deane, Stuart	In	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	CUT	1	0	0	---		
DeChambeau, Bryson	In	-	-	-	-	-	1	-	-	7	T10	-	-	-	-	-	T15	-	T56	-	T46	T20	-	-	T40	-	T29	CUT	-	-	-	10	9	3	24	
Dufner, Jason	In	CUT	T43	T55	-	-	CUT	T21	CUT	-	T73	CUT	-	-	-	CUT	-	-	T75	CUT	T74	CUT	-	-	-	-	T63	CUT	T4	-	16	8	1	149		
Filbert, Andrew	In	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	0	0	---	
Finau, Tony	In	-	-	-	-	2	T36	T16	-	-	-	-	T13	CUT	T38	T15	-	T25	-	-	T22	-	-	T40	T61	T5	-	CUT	T60	-	14	12	2	29		
Fitzpatrick, Matthew	In	-	-	-	-	T54	-	-	-	-	-	-	-	-	-	CUT	-	-	T27	-	2	T41	-	-	T61	-	T21	T39	-	-	8	7	1	---		
Fleetwood, Tommy	In	-	-	-	-	T7	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T45	T28	-	T19	-	T3	T5	-	-	T24	-	T36	T25	2	-	10	10	4	36		
Fowler, Rickie	In	-	-	-	-	-	T4	T16	-	-	-	-	-	T66	1	-	-	-	T36	T2	T40	T47	-	-	-	-	T17	T9	-	-	T4	-	11	11	5	7
Fox, Ryan	In	-	-	-	-	T30	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T67	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	2	0	---		
Frittelli, Dylan	In	T25	-	-	T54	-	-	-	-	T51	T28	CUT	-	CUT	T28	-	-	CUT	-	-	-	-	T37	T18	-	T42	-	-	CUT	T24	T67	14	10	0	140	
Furyk, Jim	In	-	-	-	-	CUT	T6	CUT	-	-	-	-	-	-	-	T14	T37	-	-	T9	-	2	T18	-	T17	T23	-	CUT	CUT	-	-	12	8	3	33	
Garcia, Sergio	In	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T37	-	T6	T9	-	T22	T54	-	T5	-	CUT	-	2	T4	-	9	8	5	43		
Gay, Brian	In	-	T69	T61	-	-	T51	T41	T23	-	T22	CUT	-	T55	T7	T60	-	-	T20	CUT	T56	T46	-	-	T77	-	T54	T3	-	T69	18	16	2	84		
Glover, Lucas	In	T17	-	-	T14	-	T7	-	T11	-	-	-	T12	-	CUT	T7	-	-	-	T4	T10	CUT	T13	-	-	T14	-	CUT	T18	T31	-	15	12	4	31	
Grace, Branden	In	-	T50	T48	-	T41	-	-	-	-	-	-	CUT	2	T28	CUT	-	T33	-	-	T72	CUT	-	T9	-	T58	T61	T32	-	T63	15	12	2	60		
Grillo, Emiliano	In	T41	T2	T55	-	T14	-	15	-	-	T22	-	T52	T33	-	-	-	T58	CUT	-	T26	-	-	T40	-	T62	T33	-	-	-	14	13	1	57		
Hadley, Chesson	In	CUT	T2	T73	-	-	T7	-	CUT	-	-	CUT	CUT	T20	CUT	-	-	-	T20	T17	CUT	T65	-	CUT	-	CUT	CUT	CUT	-	-	17	7	2	67		
Hadwin, Adam	In	CUT	-	T10	-	T30	-	T10	-	-	T57	T2	-	T44	T18	75	-	-	-	-	T33	CUT	CUT	-	-	-	-	T48	T13	T38	-	15	12	3	51	
Harding, Justin	In	-	T43	-	-	T46	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T17	CUT	T12	CUT	T32	-	T10	8	6	1	---
Harman, Brian	In	-	-	T36	-	72	-	T68	T32	-	CUT	CUT	CUT	T39	-	T51	-	-	-	CUT	CUT	T8	CUT	-	-	CUT	-	CUT	T24	CUT	18	8	1	141		
Harrington, Padraig	In	-	-	-	-	-	-	CUT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T71	-	-	CUT	CUT	T12	5	2	0	196	
Hatton, Tyrrell	In	-	-	T14	-	T22	-	-	-	-	-	-	-	T15	-	CUT	-	T19	-	T29	CUT	CUT	-	T9	-	T56	-	-	-	-	10	7	1	98		
Hoffman, Charley	In	-	-	T48	-	T43	-	CUT	-	-	-	CUT	CUT	T20	T61	CUT	-	-	-	-	CUT	CUT	T18	-	-	2	T29	T45	T9	-	15	9	2	56		
Holmes, J.B.	In	9	T13	T23	-	-	-	T48	-	-	-	-	CUT	T26	CUT	1	-	-	-	-	CUT	CUT	-	-	T17	T71	T62	-	T34	W/D	-	15	10	2	26	
Homa, Max	In	T60	-	-	-	CUT	-	CUT	CUT	-	CUT	CUT	-	T26	T10	T37	-	-	T20	-	-	CUT	T52	-	T42	-	-	CUT	1	-	16	8	2	37		
Horschel, Billy	In	-	T33	T67	-	T11	-	T21	-	T25	-	8	T39	-	-	-	T45	T16	T50	T26	-	-	-	T24	CUT	T56	T45	T13	-	-	16	15	1	65		
Hossler, Beau	In	CUT	T30	T18	-	-	T23	CUT	-	-	-	CUT	T57	T39	CUT	T15	-	-	-	T58	CUT	CUT	-	-	T36	-	CUT	-	73	T43	17	10	0	134		
Howell III, Charles	In	-	T5	T61	-	-	-	CUT	1	T14	T8	T34	T20	-	-	6	-	T14	-	T15	T35	-	-	T24	-	T32	CUT	-	CUT	W/D	17	13	4	10		
Im, Sungjae	In	T4	-	T41	CUT	-	T15	CUT	T37	-	T16	T12	T52	T7	CUT	CUT	-	-	T51	T3	CUT	T4	T7	-	T20	-	CUT	T37	T31	83	22	16	5	25		
Imahira, Shugo	In	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T33	-	-	-	-	-	-	T39	-	-	-	-	-	-	-	CUT	-	-	-	-	3	2	0	---		
Johnson, Dustin	In	-	-	-	-	T30	-	-	-	T4	-	-	-	-	-	-	T45	T9	-	T2	1	-	-	-	T5	T6	-	T40	-	-	10	10	6	6		
Johnson, Zach	In	-	-	-	-	-	-	CUT	T7	-	CUT	T28	-	T39	-	-	-	-	T59	T40	CUT	T24	-	-	-	T58	T16	-	CUT	-	12	8	1	120		
Kang, Sung	In	T83	-	T29	-	-	CUT	T29	CUT	-	T10	-	T20	CUT	T14	T64	-	-	T51	T6	T47	T18	-	-	T42	-	-	CUT	CUT	1	18	13	3	21		
Kaymer, Martin	In	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	CUT	-	T60	-	-	67	T33	71	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8	6	0	200		
Kim, Michael	In	73	62	76	-	-	CUT	-	CUT	T32	CUT	-	CUT	CUT	CUT	-	-	-	-	CUT	CUT	CUT	-	-	-	CUT	CUT	CUT	-	CUT	18	4	0	214		
Kim, Si Woo	In	-	T10	T23	-	-	T15	T26	-	-	CUT	T40	T29	CUT	T4	3	-	-	-	-	CUT	T56	-	-	T61	T4	T21	CUT	CUT	-	-	17	12	4	28	
Kisner, Kevin	In	-	-	-	-	-	-	CUT	T7	-	T69	T57	-	T26	T28	-	-	T27	-	-	T23	T22	T24	-	1	-	T21	T41	T5	-	-	14	13	3	14	

Players	Sts	Tournaments																								# of Events	Cuts Made	Top-10s	FedExCup Rank							
		Safeway Open	CIMB Classic	CJ CUP @ NINE BRIDGES	Sanderson Farms	WGC-HSBC Champions	Shriners Hospitals for Children Open	Mayakoba Golf Classic	The RSM Classic	Sentry ToC	Sony Open in Hawaii	Desert Classic	Farmers Insurance Open	Waste Management Phoenix Open	AT&T Pebble Beach Pro-Am	Genesis Open	Puerto Rico Open	WGC-Mexico Championship	The Honda Classic	Arnold Palmer Invitational	THE PLAYERS Championship	Valspar Championship	Corales Puntacana Resort & Club Champ	WGC-Dell Technologies Match Play	Valero Texas Open					Masters Tournament	RBC Heritage	Zurich Classic of New Orleans	Wells Fargo Championship	AT&T Byron Nelson		
Kizzire, Patton	In	-	-	T23	-	67	-	T55	T15	T8	T13	CUT	-	CUT	-	-	T27	CUT	-	T79	T60	-	-	-	-	T18	T45	CUT	-	-	-	15	11	1	90	
Knox, Russell	In	CUT	-	-	-	68	-	-	-	-	T43	T18	T43	T10	T14	-	-	T39	T51	-	T35	T24	-	-	T40	-	-	CUT	T22	-	-	T43	15	13	1	101
Kodaira, Satoshi	In	-	T43	-	-	T37	T41	-	-	T32	CUT	-	CUT	72	-	-	-	T51	CUT	-	CUT	T37	-	-	T24	-	61	70	-	-	-	-	15	10	0	164
Koepka, Brooks	In	-	-	1	-	T16	-	-	-	24	-	-	-	-	-	-	-	T27	T2	CUT	T56	-	-	T56	-	-	-	-	T22	-	-	4	11	10	4	5
Kokrak, Jason	In	-	T43	T67	-	-	T66	-	-	-	-	-	T18	T20	T20	-	-	T37	-	-	T9	T10	T47	T2	-	-	-	T16	T22	69	-	-	15	15	4	35
Korhonen, Mikko	In	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0	0	0	---
Kraft, Kelly	In	CUT	T33	-	-	-	T66	T38	CUT	-	CUT	CUT	CUT	T9	-	-	-	CUT	-	-	T47	T46	T5	-	CUT	-	CUT	T13	CUT	CUT	19	8	2	126		
Kuchar, Matt	In	-	-	-	-	-	T57	1	-	T19	1	-	-	T4	T22	T28	-	-	50	-	-	T26	-	-	2	T7	T12	2	-	-	-	13	13	6	1	
Lee, Danny	In	T10	T33	-	-	-	T41	2	-	-	71	-	CUT	T44	-	-	-	T36	CUT	CUT	T54	-	-	-	T7	-	T41	CUT	CUT	-	-	16	10	3	53	
Leishman, Marc	In	-	1	T18	-	-	-	-	-	T4	T3	-	T43	-	-	-	-	T62	-	-	T23	CUT	-	-	T9	-	T49	T58	-	-	-	12	11	5	13	
Lewis, Tom	In	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T65	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	2	0	---	
Li, Haotong	In	-	-	-	-	T11	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T19	-	CUT	CUT	-	-	T9	T52	T43	-	-	-	-	-	7	5	1	---	
Lipsky, David	In	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	2	1	---	
List, Luke	In	T4	-	-	-	-	-	CUT	T4	-	-	CUT	T40	CUT	-	-	T15	-	-	CUT	T10	T56	-	-	-	-	T41	-	-	T65	-	14	9	3	72	
Long, Adam	In	T63	-	-	-	CUT	-	-	CUT	-	CUT	1	CUT	CUT	CUT	CUT	-	-	-	CUT	T10	T79	-	-	-	CUT	CUT	CUT	-	-	T45	-	16	5	2	45
Lorenzo-Vera, Michael	In	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0	0	0	---	
Lowry, Shane	In	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	CUT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8	3	1	147	
Luiten, Joost	In	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	2	1	---	
Matsuyama, Hideki	In	-	-	-	T18	-	T30	-	-	-	-	-	T3	T15	-	-	T9	-	-	-	T19	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13	13	3	40	
McDowell, Graeme	In	-	-	-	T41	-	-	T41	CUT	T11	-	-	-	-	-	-	T18	-	-	-	82	T54	-	-	T7	-	T48	T18	-	-	-	13	12	2	50	
McIlroy, Rory	In	-	-	-	-	T54	-	-	-	T4	-	-	-	T5	-	-	-	T4	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10	10	8	3	
Merritt, Troy	In	T4	T54	-	-	-	T57	-	T23	T16	CUT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10	8	2	104	
Mickelson, Phil	In	T17	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T2	-	CUT	-	-	-	1	T37	-	-	T39	-	-	-	-	-	-	-	-	-	11	7	2	20	
Mitchell, Keith	In	-	T22	T14	-	-	-	T65	CUT	-	-	T16	-	CUT	73	CUT	CUT	-	-	-	-	-	1	T6	T47	-	-	-	-	-	-	17	12	3	23	
Molinari, Francesco	In	-	-	-	-	T43	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8	7	3	15	
Moore, Ryan	In	T2	T66	T61	-	-	T36	CUT	-	-	-	-	CUT	CUT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14	10	2	47		
Na, Kevin	In	-	T19	T52	-	T54	CUT	-	-	-	DNS	-	-	-	T60	-	-	T33	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14	11	2	96	
Niemann, Joaquin	In	T83	-	T36	-	-	T10	T60	T65	-	-	CUT	T72	CUT	-	-	T44	-	-	-	T59	T46	-	-	T37	CUT	-	-	-	-	-	16	11	1	157	
Noren, Alex	In	-	-	-	T18	-	T18	-	-	-	-	-	-	CUT	T44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	11	8	0	129	
Norris, Shaun	In	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	0	---	
Olesen, Thorbjørn	In	-	-	-	-	T7	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7	5	1	---	
Oosthuizen, Louis	In	-	T5	T29	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	CUT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10	7	3	52	
Otaegui, Adrian	In	-	-	-	-	T62	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	2	0	---	
Palmer, Ryan	In	-	T33	T3	-	-	T7	-	-	-	-	CUT	T13	T60	CUT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13	9	4	19	
Pan, Cheng Tsung	In	-	T30	T23	-	T22	-	T16	CUT	-	-	T51	T66	T60	-	-	T44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	CUT	-	-	17	12	1	27	
Pepperell, Eddie	In	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6	6	1	---	
Perez, Pat	In	-	T63	T7	-	T37	-	T6	-	-	CUT	W/D	CUT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13	8	3	85	
Perry, Rod	In	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	0	0	---	
Piercy, Scott	In	CUT	T27	T5	-	-	T10	T6	-	T19	T33	T57	-	T20	T10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16	14	6	17	
Pieters, Thomas	In	-	T30	-	-	T18	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	3	0	---	
Poston, J.T.	In	T46	-	-	-	T54	-	CUT	T21	CUT	-	-	T20	T7	T40	T26	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	19	14	2	68	
Poulter, Ian	In	-	-	-	T10	-	21	-	-	-	18	T33	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	11	11	4	44	
Putnam, Andrew	In	-	T50	T29	-	T4	-	-	-	T14	2	T34	-	CUT	T38	CUT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14	9	2	46	
Rahm, Jon	In	-	-	-	-	T22	-	-	-	T8	-	6	T5	T10	-	-	T9	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12	12	8	8
Reavie, Chez	In	T33	T43	T7	-	T35	-	T26	-	-	T3	T28	-	T4	T38	CUT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17	14	3	49	
Reed, Patrick	In	-	-	-	-	T7	-	-	-	T25	T13	-	T13	-	T22	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14	12	1	66	
Rose, Justin	In	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	T34	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8	7	5	11	
Schauffele, Xander	In	-	25	T48	-	1	-	-	-	1	-	-	T25	T10	-	-	T15	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12	11	4	2	
Scott, Adam	In	-	-	-	T10	-	T18	-	-	-	-	CUT	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10	7	3	39	
Simpson, Webb	In	-	-	-	-	-	-	T15	-	3	T8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12	11	3	38	
Smith, Cameron	In	-	T22	T7	-	T54	-	-	-	-	T22	-	T9	T15	-	-	T49	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14	11	3	69	
Snedeker, Brandt	In	T2	T66	T36	-	T30	-	-	-	-	T22	T16	-	T62	T55	CUT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15	13	2	48	
Spaun, J.J.	In	T41	T72	T10	-	-	T15	T3	T37	-	-	T51	CUT	T50	CUT	CUT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17	12	2	79	
Spieth, Jordan	In	-	-	-	-	-	-	T55	CUT	-	-	-	CUT	-	T35	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13	10	0	150	
Stanley, Kyle	In	-	-	-	T13	66	-	T22	-	-	-	-	T22	-	CUT	CUT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16	9	1	100	
Stenson, Henrik	In	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9	8	1	108	
Sterne, Richard	In	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	0	---	

Players	Sts	Tournaments																										# of Events	Cuts Made	Top-10s	FedExCup Rank				
		Safeway Open	CIMB Classic	CJ CUP @ NINE BRIDGES	Sanderson Farms	WGC-HSBC Champions	Shriners Hospitals for Children Open	Mayakoba Golf Classic	The RSM Classic	Sentry ToC	Sony Open in Hawaii	Desert Classic	Farmers Insurance Open	Waste Management Phoenix Open	AT&T Pebble Beach Pro-Am	Genesis Open	Puerto Rico Open	WGC-Mexico Championship	The Honda Classic	Arnold Palmer Invitational	THE PLAYERS Championship	Valspar Championship	Corales Puntacana Resort & Club Champ	WGC-Dell Technologies Match Play	Valero Texas Open	Masters Tournament	RBC Heritage					Zurich Classic of New Orleans	Wells Fargo Championship	AT&T Byron Nelson	
Stone, Brandon	In	-	-	-	-	T46	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	0	---	
Stricker, Steve	In	-	-	-	-	-	-	-	-	T73	-	-	CUT	T61	-	-	-	-	-	T58	-	CUT	-	-	-	-	-	-	-	-	5	3	0	232	
Suri, Julian	In	-	-	-	-	T64	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	0	---	
Thompson, Michael	In	T17	-	-	-	-	-	-	CUT	-	T69	T9	T13	-	T10	T7	-	-	-	T16	CUT	70	CUT	-	-	-	-	T10	-	CUT	T53	14	10	4	64
Trainer, Martin	In	T60	-	-	CUT	-	CUT	CUT	CUT	-	T73	CUT	-	-	T28	-	1	-	CUT	T66	T41	CUT	-	-	66	-	-	-	CUT	W/D	16	7	1	83	
Tway, Kevin	In	1	T27	T52	-	-	T23	-	-	T11	CUT	-	T43	CUT	-	CUT	-	-	CUT	-	CUT	CUT	-	-	CUT	T36	-	T13	-	T53	16	9	1	30	
van Rooyen, Frederick	In	-	-	-	-	T22	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T36	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	2	0	---	
Varner III, Harold	In	T14	-	-	CUT	-	T15	T6	T23	-	-	T18	CUT	T10	-	CUT	-	-	T51	CUT	CUT	T65	-	-	T23	-	CUT	CUT	CUT	-	17	9	2	76	
Vegas, Jhonattan	In	T53	-	-	CUT	-	T28	T38	-	-	-	69	CUT	T10	-	CUT	-	-	T16	T23	T3	-	T26	-	T30	-	-	CUT	T8	-	15	11	3	54	
Vermeer, Ryan	In	-	-	-	CUT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	CUT	T69	-	-	-	-	-	-	-	3	1	0	---	
Walker, Jimmy	In	-	T39	T29	-	-	-	-	-	-	T51	-	CUT	T44	CUT	74	-	-	CUT	T58	T67	-	-	-	T30	T36	-	-	T45	CUT	14	10	0	165	
Wallace, Matt	In	-	-	-	-	T50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T33	T20	T6	T30	-	-	T40	-	CUT	CUT	-	-	-	8	6	1	---		
Watson, Bubba	In	-	-	-	-	-	-	-	-	31	CUT	-	-	T4	-	T15	-	T27	-	T17	T56	T4	-	T40	-	T12	-	T34	-	-	11	10	2	59	
Werenski, Richy	In	T33	-	-	T61	-	T23	T3	T15	-	-	CUT	CUT	T60	CUT	-	-	T78	CUT	T47	CUT	-	-	T61	-	T58	CUT	T38	-	-	17	11	1	95	
Westwood, Lee	In	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T33	-	-	-	-	-	-	T56	-	-	-	-	-	2	2	0	---		
Willett, Danny	In	CUT	-	T23	-	-	-	-	-	-	-	CUT	T25	-	-	T33	-	T27	-	CUT	CUT	T42	-	-	CUT	CUT	-	CUT	-	12	5	0	162		
Wise, Aaron	In	-	-	-	-	-	T15	T10	-	T27	-	CUT	CUT	-	-	CUT	-	T19	-	T40	CUT	-	-	T40	-	17	-	-	T18	T43	13	9	1	92	
Woodland, Gary	In	-	T5	2	-	-	T10	T41	-	2	80	-	T9	T7	-	-	T17	T36	-	T30	CUT	-	-	T17	-	T32	-	-	W/D	-	15	13	6	9	
Woods, Tiger	In	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T20	-	-	T15	-	-	-	-	-	-	T5	-	1	-	-	-	6	6	3	18		
Yang, Y.E.	In	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T33	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	0	220	